

Diễn biến kinh tế toàn cầu và trong nước - Hàm ý chính sách đối với Việt Nam

Dorsati Madani
Chuyên gia kinh tế cao cấp, NHTG



THE WORLD BANK
IBRD • IDA | WORLD BANK GROUP

Nền kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng chậm lại

Dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2022 và 2023-2024

Đơn vị: %

	2022 ước	2023 dự báo	2024 dự báo
Thế giới	3,1	2,1	2,4
Các nước phát triển	2,6	0,7	1,2
Hoa Kỳ	2,5	1,1	0,8
Khu vực đồng Euro	2,5	0,4	1,3
Các nước EMDE	3,7	4,0	3,9
Trung Quốc	4,3	5,6	4,6
Philippines	5,7	6,0	5,9
Indonesia	5,1	4,9	4,9
Malaysia	5,5	4,3	4,2
Thái Lan	2,9	3,9	3,6

Rủi ro đa dạng và chồng chéo

Căng thẳng tài chính

Căng thẳng địa chính trị

Thiên tai

Tiếp tục thắt chặt tiền tệ

An ninh lương thực và
năng lượng

Triển vọng tăng trưởng
dài hạn yếu hơn

Lạm phát cao kéo dài

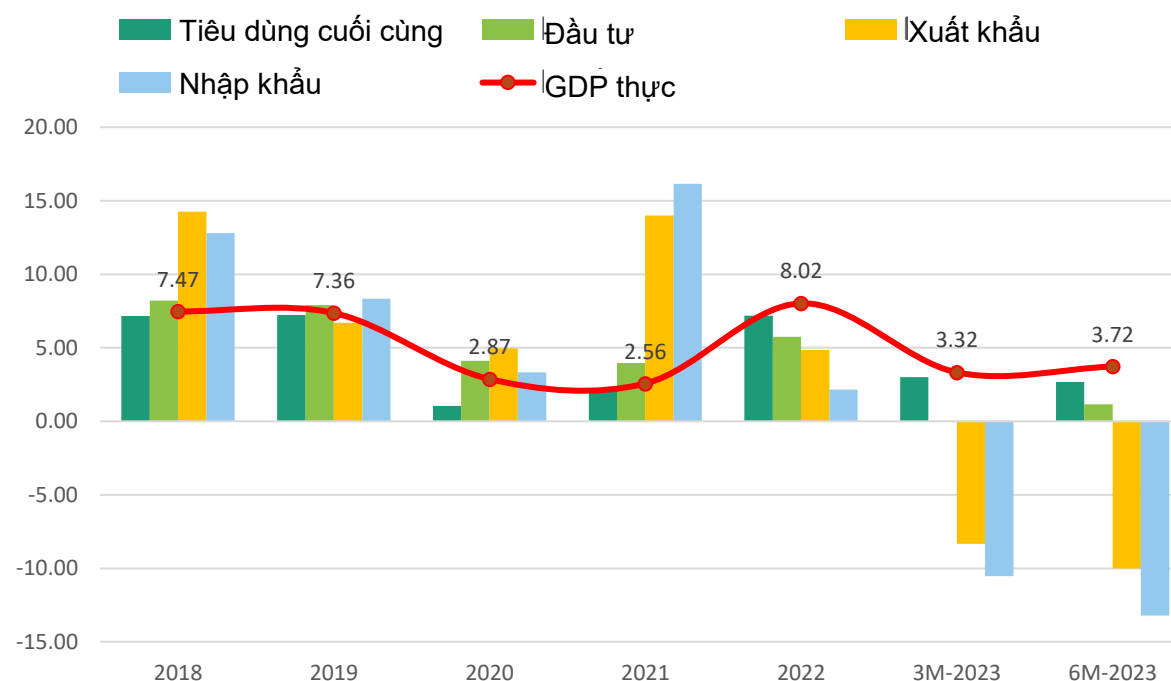
Căng thẳng xã hội

Mạng lưới kinh tế toàn
cầu phân mảnh

Trong bối cảnh tổng cầu giảm... đà tăng đã chậm lại đáng kể

- Hai quý tăng trưởng chậm
- Diễn biến tăng trưởng không giống giai đoạn tiền COVID và trong thời gian COVID
- Tăng trưởng chậm xuất phát từ phía tổng cầu
- Xuất, nhập khẩu giảm mạnh
- Cả tiêu dùng cuối cùng và đầu tư đều đang bộc lộ những hạn chế

Tăng trưởng GDP theo các hợp phần cầu
(%, so với cùng kỳ)

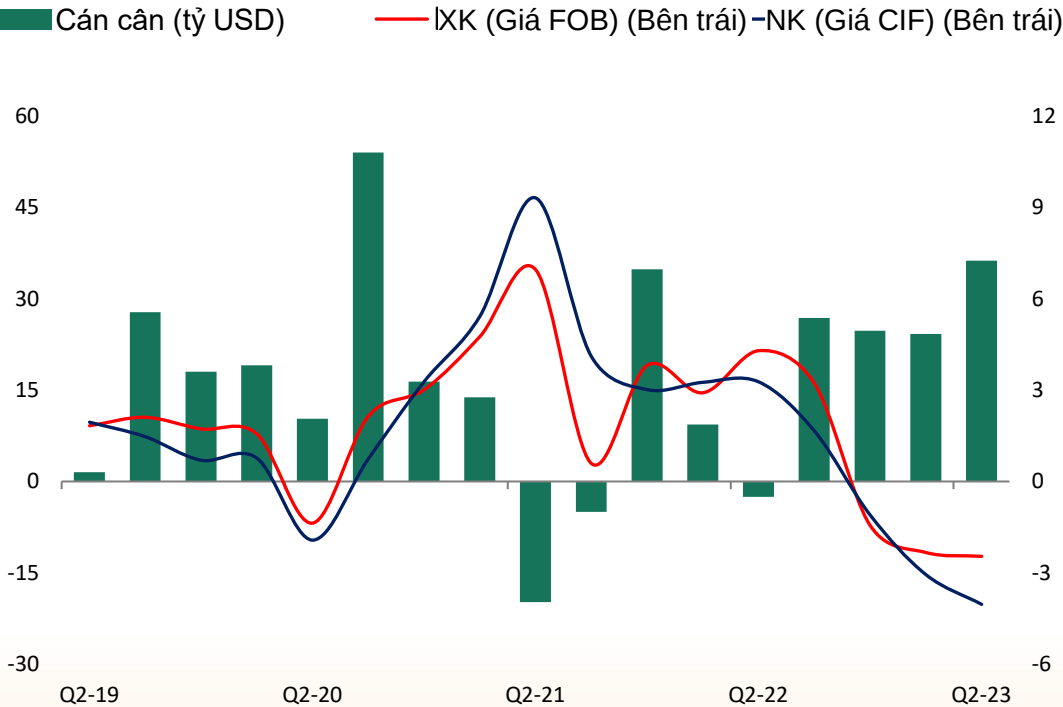


Nguồn: TCTK

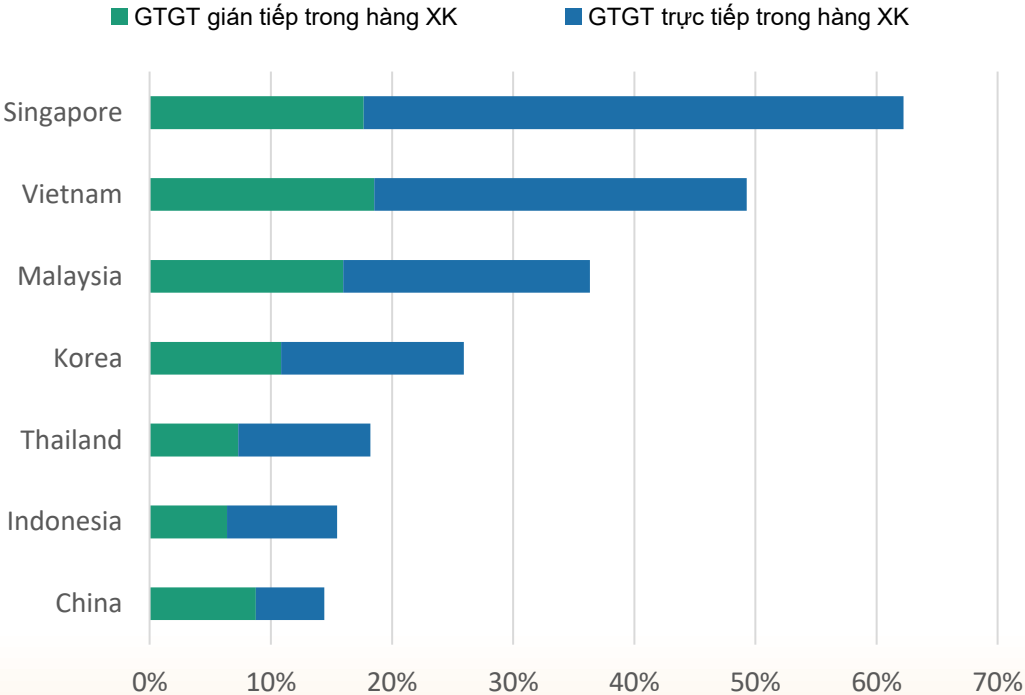
Nhu cầu đối với hàng xuất khẩu giảm đang đè nặng lên nền kinh tế

Nhiều khó khăn, thách thức đang ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến, chế tạo sang Mỹ, EU và Trung Quốc

Hoạt động liên quan đến xuất khẩu chiếm gần một nửa giá trị gia tăng ở Việt Nam, đẩy nền kinh tế phải đối diện với thách thức suy thoái toàn cầu



Nguồn: TCTK, Haver Analytics và tính toán của cán bộ NHTG

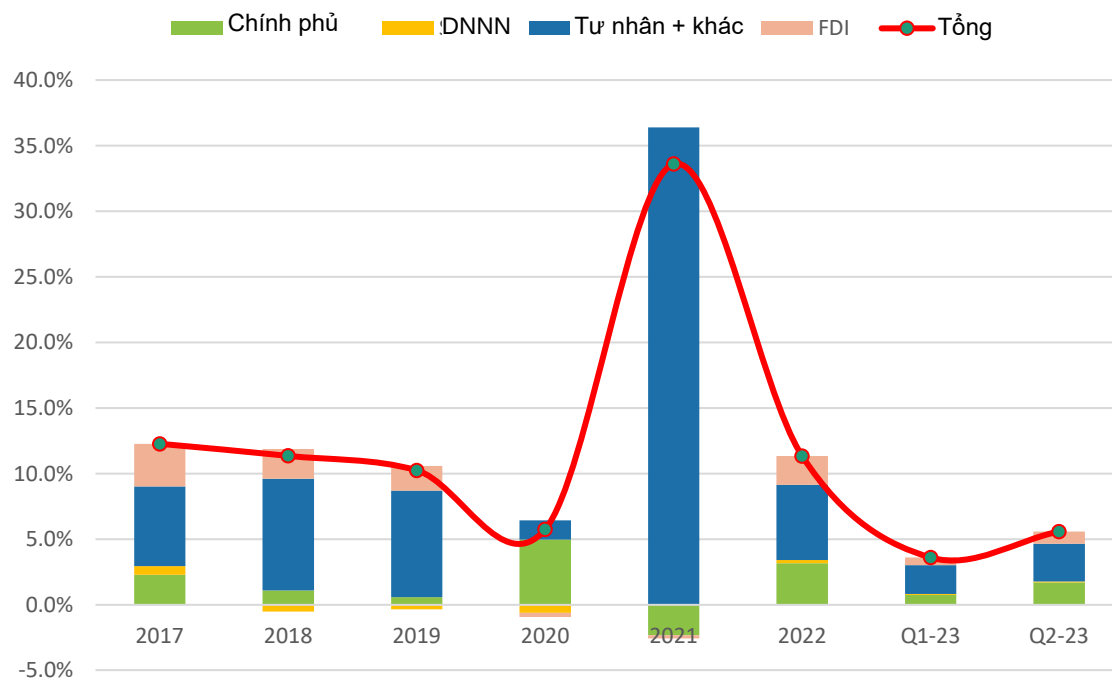


Nguồn: Cơ sở dữ liệu giá trị gia tăng thương mại (TiVA) và tính toán của cán bộ NHTG

Tăng trưởng toàn cầu chậm lại, đi kèm với gia tăng bất định cũng đang tác động trực tiếp đến tổng cầu trong nước

Đầu tư khu vực tư nhân đã giảm mạnh trong nửa đầu năm 2023

Đóng góp vào tăng trưởng đầu tư, % (so với cùng kỳ)

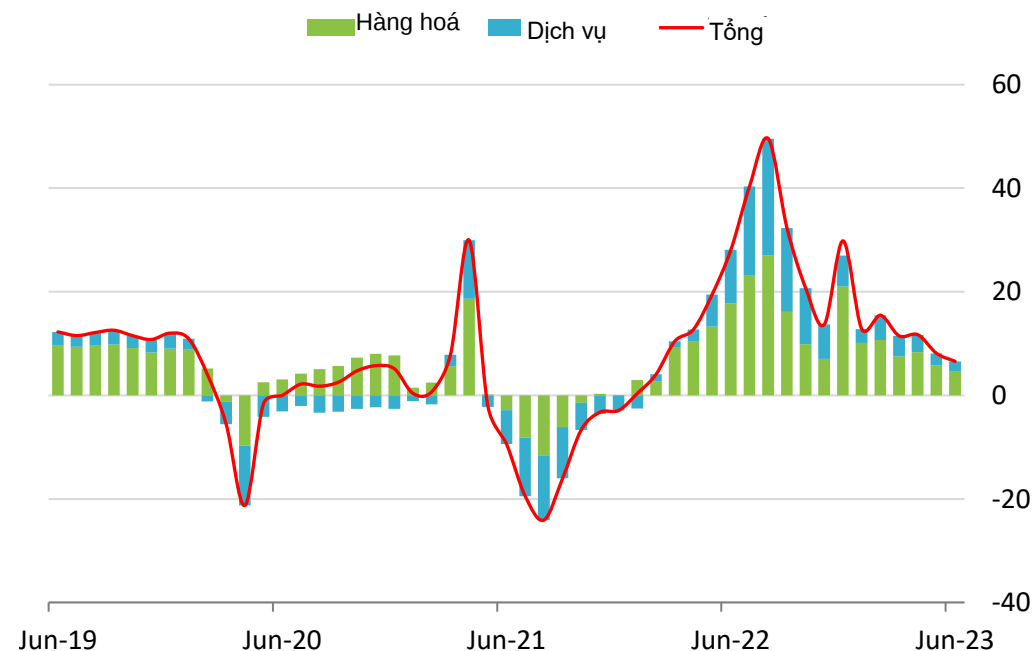


Tổng vốn đầu tư (theo giá trị danh nghĩa) tăng 3,7% trong Q1-2023 và 5,5% trong Q2-2023, thấp hơn nhiều so với năm 2022 hoặc thời kỳ trước COVID.

Nguồn: TCTK và tính toán của cán bộ NHTG

Tăng trưởng doanh số bán lẻ gần đây đã giảm xuống dưới mức trước COVID

Đóng góp vào tăng trưởng doanh số bán lẻ theo ngành, % (so với cùng kỳ, NSA)



Nguồn: TCTK, Haver Analytics và tính toán của cán bộ NHTG

Hàm ý đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam

**Tăng trưởng sẽ giảm đáng kể so với tiềm năng 6-6,5% trong giai đoạn 2023-2024,
Nhấn mạnh một trường hợp rất cần hỗ trợ chính sách**

Dự báo hiện tại của chúng tôi:

- Tăng trưởng dưới 5% trong năm 2023
- Phục hồi đến khoảng 5,5%-6% vào năm 2024

Dựa trên cơ sở:

Dự báo cho nửa sau của năm 2023:

- Giảm tốc tăng trưởng toàn cầu trong năm 2023, một số hàng xuất khẩu tăng có thể tăng nhẹ trên nền cơ sở rất thấp, đặc biệt là trong Q4.
- Có một số hỗ trợ thông qua chính sách tài khóa. Chính sách tiền tệ thích ứng vẫn tiếp tục.
- Tiêu dùng cuối cùng thoát đáy và đầu tư tư nhân phục hồi nhẹ.

Dự báo cho năm 2024:

- Nền kinh tế toàn cầu tăng nhẹ
- Xuất khẩu có phần khởi sắc, thể hiện ở sự phục hồi nhẹ của đầu tư tư nhân trong nước.
- Tiếp tục chính sách tài khóa mở rộng. Chính sách tiền tệ thích ứng vẫn tiếp tục.

Đối nội: Cần hành động ngay - Vẫn còn dư địa chính sách tài khóa, nhưng quá trình thực thi gặp nhiều thách thức

Đầu tư công: Công cụ chính mà chính phủ đang sử dụng:

- Tăng đầu tư công theo kế hoạch – bao gồm gói hỗ trợ phục hồi kinh tế giai đoạn 2022-2023 (1,8% GDP)
- Tính đến cuối tháng 6/2023, tỷ lệ giải ngân vốn ước tính là 28% (Bộ TC), đây là mức thấp.

>> Giải pháp:

1. Đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công

2. Cải thiện quy trình thủ tục

3. Xác định mục tiêu và chất lượng thực hiện cũng là vấn đề.

- Chiến lược phát triển không gian quốc gia đã được thông qua để ưu tiên những hoạt động đầu tư quan trọng/xương sống vào các vùng quan trọng/khu vực tăng trưởng.
- Ví dụ: Hạn chế đầu tư vào cơ sở hạ tầng truyền tải và lưới điện (không có dự án nào kể từ năm 2016) là một ví dụ rõ ràng về việc Việt Nam đang tự hủy hoại tiềm năng tăng trưởng của mình

4. Xem xét khả năng hấp thụ

VÀ Đầu tư công không đủ:

- Hỗ trợ người lao động và các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi cú sốc liên quan đến suy giảm kinh tế toàn cầu

Về đối nội: Cần hành động ngay – Chính sách tiền tệ: Hiệu lực còn hạn chế

Dư địa của chính sách tiền tệ bị hạn chế và khả năng truyền dẫn yếu

Vấn đề:

- Nhu cầu tín dụng yếu => đầu tư thấp, bất ổn cao.
- **Các biện pháp từ phía cung, chẳng hạn như tiếp tục nới lỏng và các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, có thể sẽ kém hiệu quả hơn và rủi ro hơn vì:**
- Lãi suất toàn cầu có khả năng duy trì ở mức cao trong thời gian dài hơn
- Chênh lệch lãi suất giữa Việt Nam và thế giới có thể tăng lên, gây áp lực lên tỷ giá.

Về đối nội: Cần hành động ngay – Cải cách để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong trung hạn

Khu vực tài chính: Nhu cầu tín dụng yếu => đầu tư thấp, bất ổn cao.

Những biện pháp ứng phó khủng hoảng hiện nay: đáp ứng các điều kiện nhưng có thể làm được nhiều hơn nữa

- Tháo gỡ khó khăn trên thị trường tín dụng, kích thích tăng trưởng: 4 đợt giảm lãi suất kể từ tháng 3/2023; nới lỏng các hạn chế về thanh khoản; các biện pháp giãn nợ và tái cơ cấu
- NHƯNG: Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ cho vay trên tiền gửi tăng (trên 100%)
 - Gia tăng mối quan ngại về chênh lệch kỳ hạn và chất lượng bảng cân đối kế toán của ngân hàng.

Cải cách cơ cấu trong trung hạn:

- củng cố hệ số an toàn vốn của ngân hàng.
- Tăng cường các khuôn khổ thể chế để giám sát cẩn trọng, can thiệp sớm, xử lý ngân hàng và quản lý khủng hoảng
- Tăng cường khung pháp lý về xử lý ngân hàng yếu kém
- Việc sửa đổi, bổ sung LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG và LUẬT NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giải quyết các hạn chế mang tính cơ cấu

Về đối nội: Cần hành động ngay - Cải cách để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong trung hạn

Chính sách tài khóa: Nền tảng của nền kinh tế thu nhập cao

- Đầu tư ngoài cơ sở hạ tầng:
 - Tăng đầu tư vào vốn con người/kỹ năng.
- Nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý đầu tư công
- Nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu toàn cầu:
 - Xanh hóa sản xuất thông qua thuế carbon và các công cụ tài khóa khác
 - Xanh hóa tiêu dùng thông qua các ưu đãi tài chính
- Nâng cao mức độ bao trùm thông qua xây dựng chính sách tài khóa hỗ trợ và thích ứng với chu kỳ tăng trưởng (bao gồm hệ thống an sinh xã hội vận hành tốt).

Về đối nội: Cần hành động ngay – củng cố niềm tin vào Cải cách để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong trung hạn

Cải cách cơ cấu để nâng cao năng lực cạnh tranh

- Cải thiện môi trường kinh doanh
- Khởi động lại chương trình cải cách DNNN
- Thúc đẩy tài chính toàn diện
- Tạo điều kiện tiếp thu kỹ năng theo nhu cầu của thị trường
- Nâng cao khả năng thích ứng trung hạn của hàng xuất khẩu:
 - Đa dạng hóa cơ sở sản phẩm và thị trường xuất khẩu
 - Việt Nam có đang sử dụng đầy đủ các FTA của mình không?

Cải cách cơ cấu: ngành dịch vụ là động lực tăng trưởng

- Khu vực dịch vụ đóng góp trung bình hơn 50% vào tăng trưởng GDP trong giai đoạn 2010-2019
- Vai trò hỗ trợ quan trọng trong nền kinh tế - nhưng hạn chế đối với các ngành khác ở Việt Nam
 - Tỷ lệ đầu vào dịch vụ trong công nghiệp chế biến chế tạo chỉ là 14% vào năm 2018!!
- Dữ liệu của OECD cho thấy có nhiều hạn chế đối với nhập cảnh, cho thấy:
 - khả năng cạnh tranh của lĩnh vực này có tiềm năng và đóng góp cao hơn cho nền kinh tế
- Bị hạn chế nhiều nhất CŨNG là các ngành xương sống đối với tăng trưởng kinh tế:
 - Viễn thông, vận tải, tài chính ngân hàng –

Xin cảm ơn!



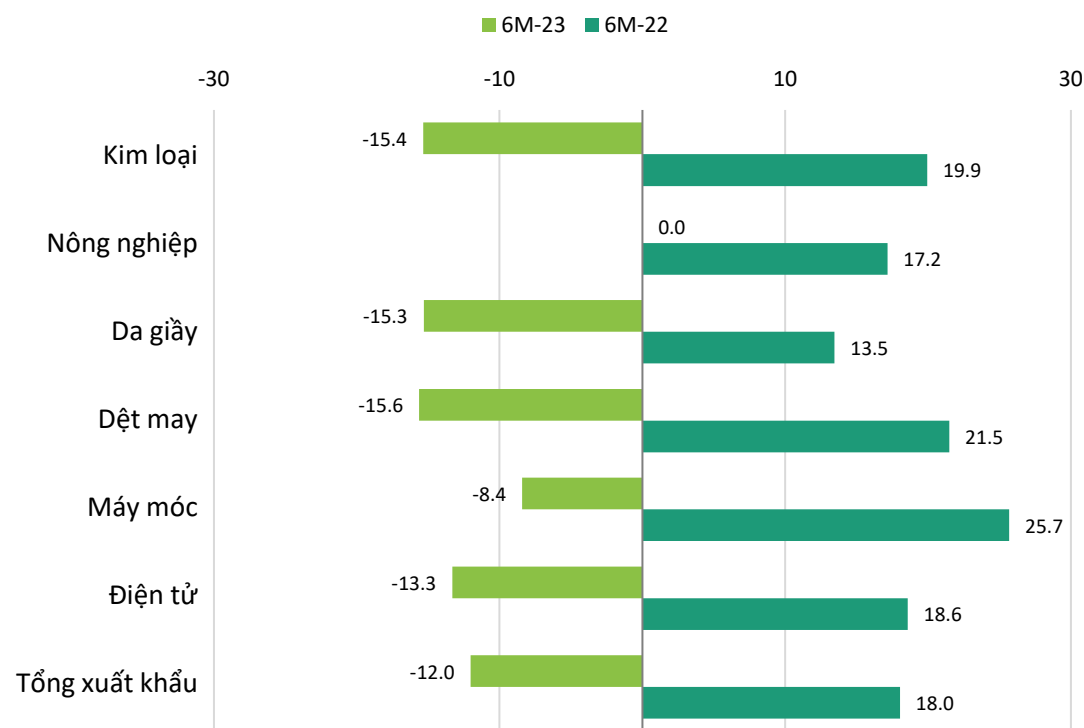
THE WORLD BANK

IBRD • IDA | WORLD BANK GROUP

Nhu cầu về hàng xuất khẩu giảm đang đè nặng lên nền kinh tế

Tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa theo sản phẩm

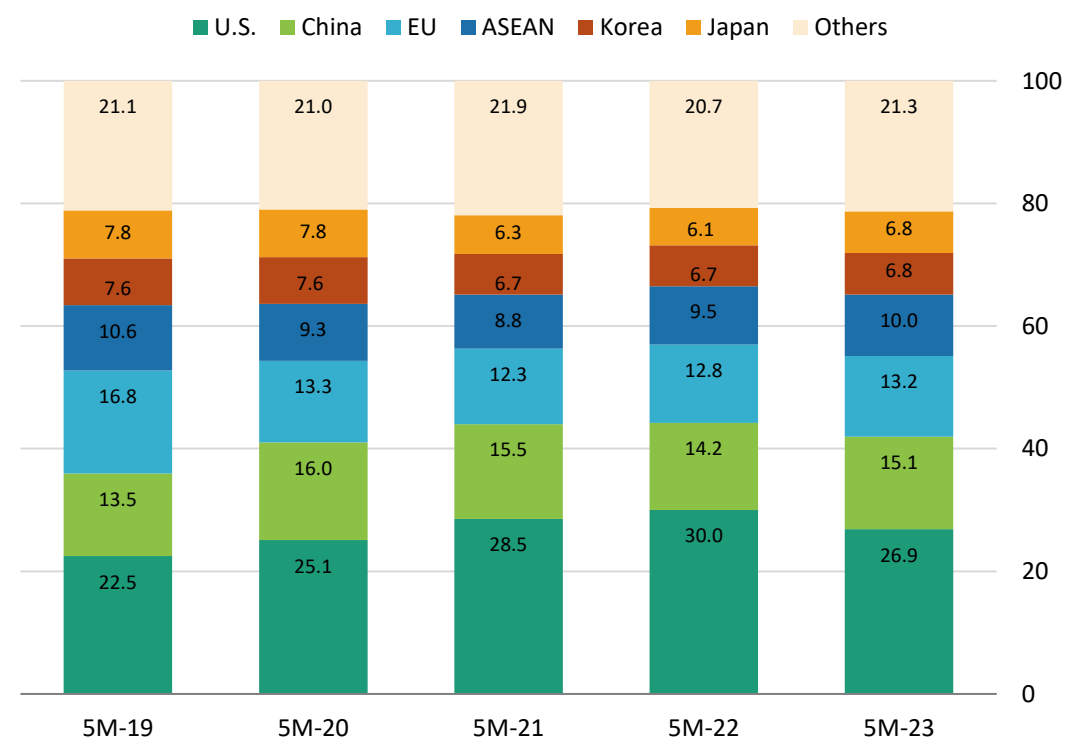
Đơn vị: % (so với cùng kỳ)



Nguồn: TCTK, Haver Analytics và tính toán của cán bộ NHTG

Cơ cấu sản phẩm của hàng hóa xuất khẩu,

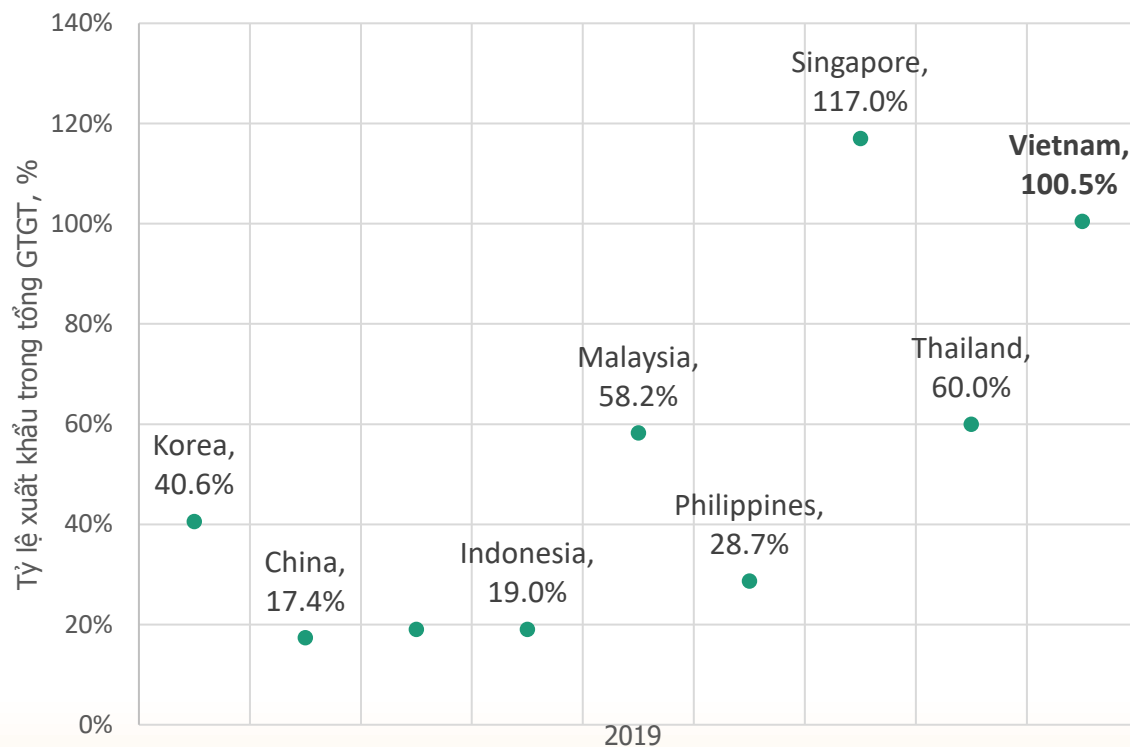
Đơn vị: %



Nguồn: TCTK, Haver Analytics và tính toán của cán bộ NHTG

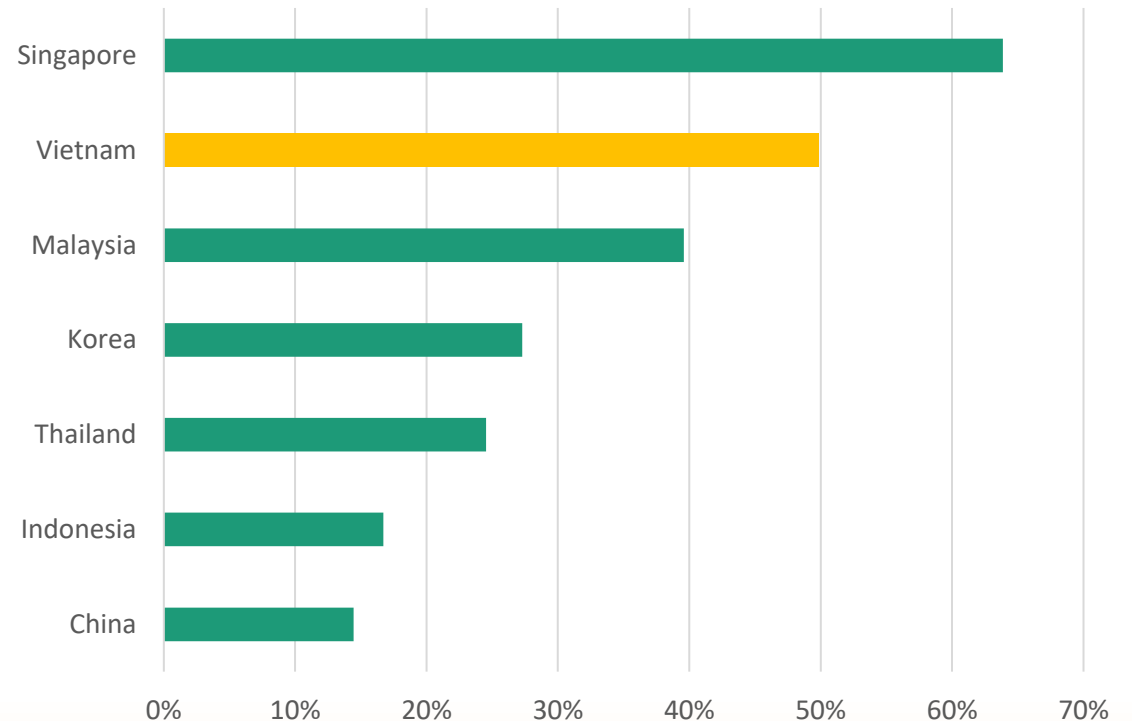
Hơn 40% GDP của Việt Nam bắt nguồn từ hàng xuất khẩu, thuộc hàng cao nhất trong khu vực

Tỷ lệ xuất khẩu trong tổng GTGT, năm 2019



Nguồn: Cơ sở dữ liệu giá trị gia tăng thương mại (TiVA) và tính toán của cán bộ NHTG

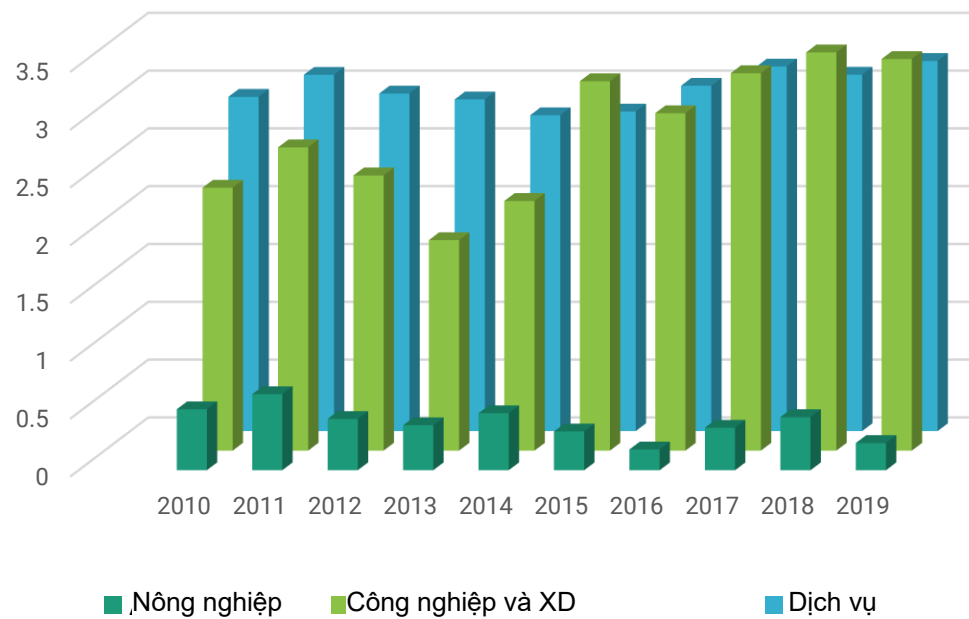
Giá trị gia tăng trong nước của hàng xuất khẩu tính theo tỷ trọng GTGT, năm 2019



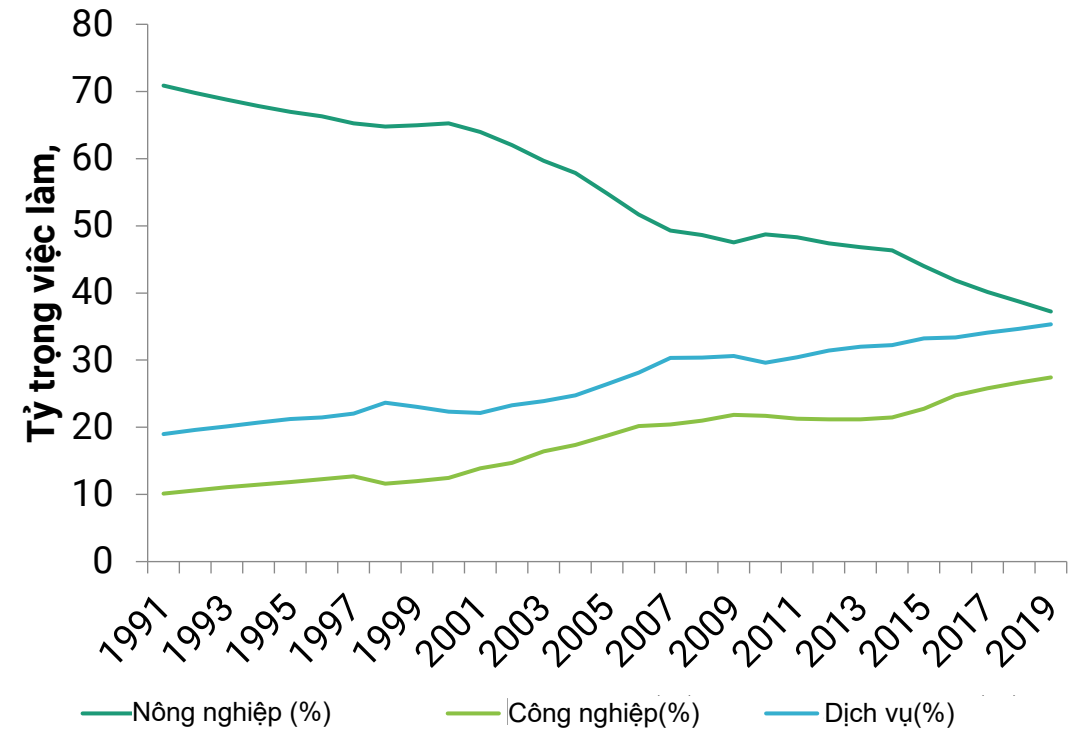
Nguồn: Cơ sở dữ liệu giá trị gia tăng thương mại (TiVA) và tính toán của cán bộ NHTG

Ngành dịch vụ đã đóng góp đáng kể vào chuyển đổi kinh tế, tăng trưởng và việc làm của Việt Nam

Đóng góp vào tăng trưởng GDP, giai đoạn 2010-2019



Tỷ trọng việc làm, giai đoạn 1991-2019

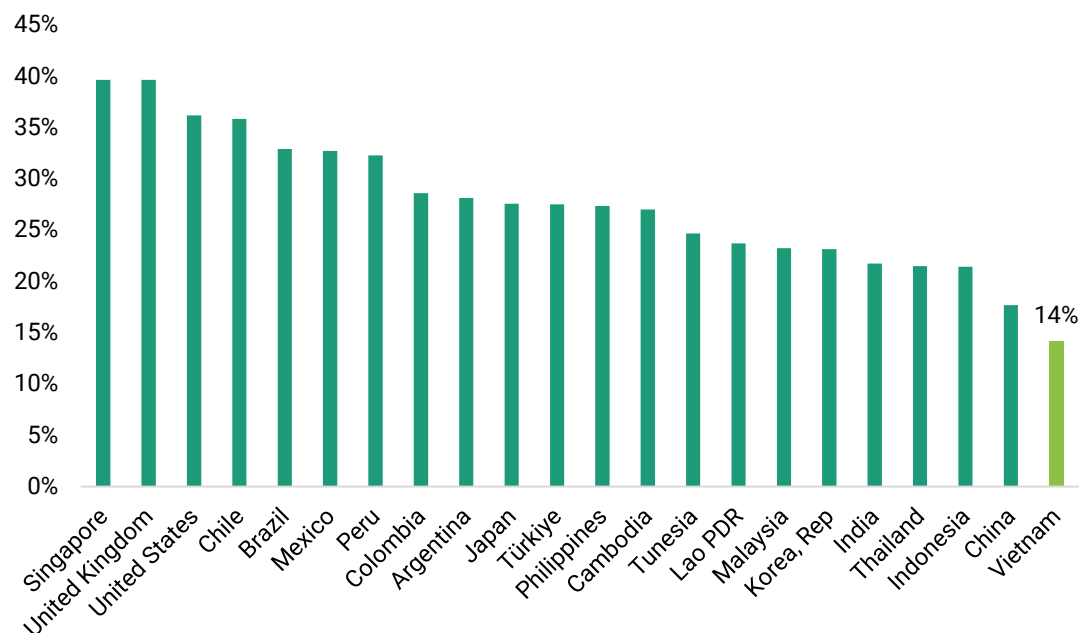


Liên kết yếu: Ngành công nghiệp chế biến chế tạo của Việt Nam sử dụng rất ít dịch vụ làm đầu vào

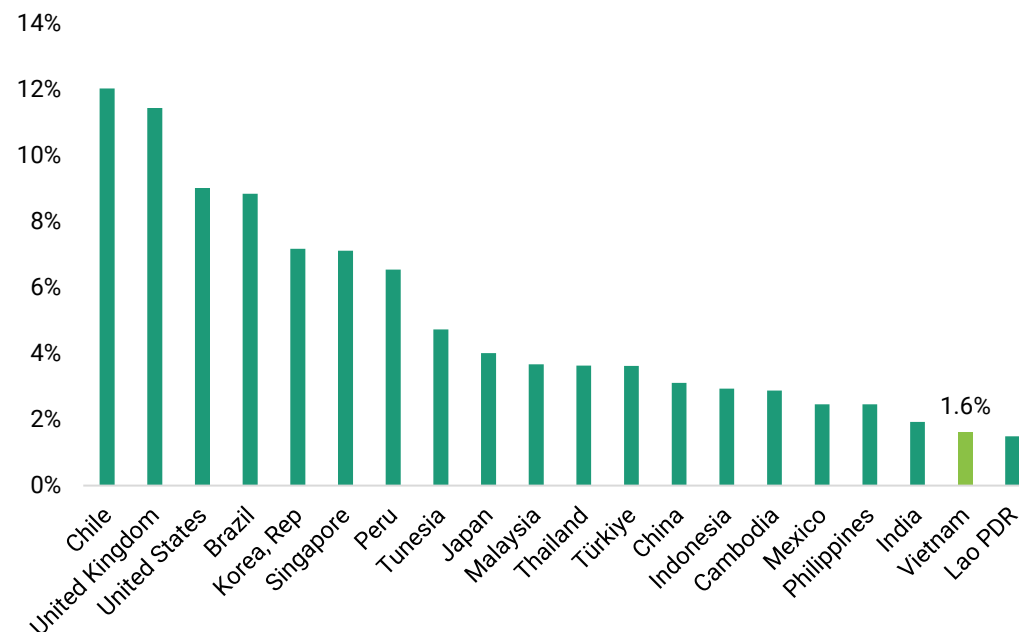
Dịch vụ đóng **vai trò hỗ trợ** quan trọng cho các lĩnh vực khác, bao gồm cả công nghiệp chế biến chế tạo; ví dụ: cung cấp dịch vụ hậu cần, dịch vụ kỹ thuật số, v.v.

Tuy nhiên, tỷ trọng dịch vụ làm đầu vào của ngành công nghiệp chế biến chế tạo của Việt Nam còn thấp.

Tỷ trọng đầu vào là dịch vụ trong công nghiệp chế biến chế tạo,
% tổng đầu vào trong nước, năm 2018



Tỷ lệ đầu vào là đổi mới sáng tạo toàn cầu trong công nghiệp chế biến chế tạo,
% tổng đầu vào trong nước, năm 2018



Hành động chính sách: TRONG NGÀNH DỊCH VỤ

Thương mại

Phân tích các hạn chế về thương mại dịch vụ (xem bên phải) nhấn mạnh thương mại dịch vụ ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế.

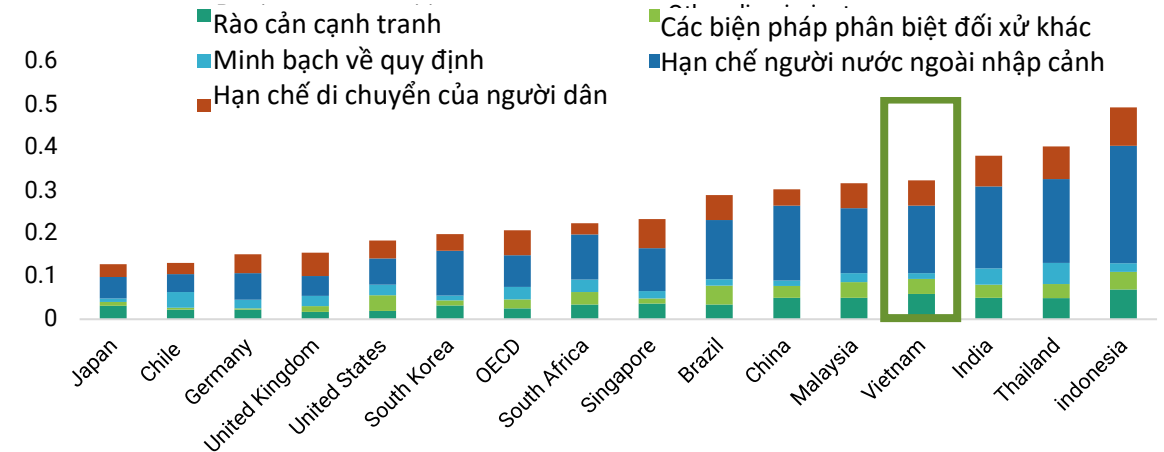
Cần **giảm bớt các hạn chế về FDI** và cải thiện **môi trường kinh doanh** tổng thể.

Xác định mục tiêu

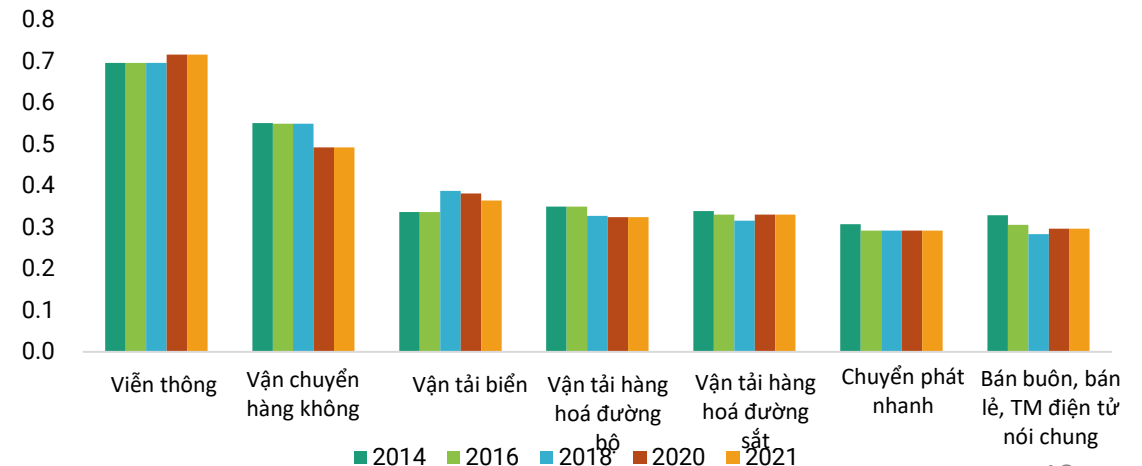
Tập trung chính sách vào những ngành dịch vụ có thể đóng góp vào sự tăng trưởng của các ngành khác.

Các **dịch vụ kỹ thuật số** đóng vai trò to lớn trong việc khuyến khích các công ty trong ngành chế biến chế tạo áp dụng những công nghệ phức tạp hơn

Chỉ số hạn chế thương mại dịch vụ (STRI), năm 2021



Chỉ số hạn chế thương mại dịch vụ (STRI) theo ngành, giai đoạn 2014-2021



Nguồn: Chỉ số hạn chế thương mại dịch vụ của OECD (STRI).
Chỉ số nằm trong khoảng từ 0 đến 1, với số 0 biểu thị độ mở hoàn toàn.